

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2020/HN- ST  
Ngày 20/11/2020  
V/v: “Xin ly hôn ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH BẾN TRE**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Mai Thị Nhắc

Lê Thị Thu Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày **20** tháng **11** năm **2020** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 418/2020/TLST-HN, ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2020/QĐXXST-HN ngày 09 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

\* ***Nguyên đơn:*** Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh 1983; HKTT: Ấp An Th, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

\* ***Bị đơn:*** Phan Quốc V, sinh 1977; Địa chỉ: Ấp An Thạnh, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Y trình bày:*

Vào năm 2005 do quen biết, nên tôi và V đã tiến tới hôn nhân, chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã B Tây (nay là xã B), huyện M. Sau khi cưới nhau chúng tôi sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, chồng thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn, từ đó chúng tôi sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Nay tôi xin ly hôn với V.

Quá trình sống chung chúng tôi có 02 con chung tên Phan Quốc B, sinh ngày 10/9/2006 và Phan Chí B, sinh ngày 26/6/2011, nay tôi đồng ý để cả hai con cho anh V nuôi, tôi cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa mỗi tháng 500.000 đồng.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa bị đơn anh V trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như Y trình bày là đúng. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do tôi có cờ bạc và vợ tôi không chung thủy, có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Nay Y xin ly hôn tôi đồng ý ly hôn, con chung tôi xin nuôi cả hai con và yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; Nợ chung không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Áp dụng điều 56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y.

Về con chung: Đề nghị giao cả hai con cho anh V nuôi dưỡng, và buộc chị Y cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

#### ***\* Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Chị Y cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị Y có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị Y là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã B, huyện M. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

#### ***[\* Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Anh V, chị Y kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và B vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc trong thời gian dài có 02 con chung lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, từ đó vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và anh, chị đã quyết định sống ly thân bỏ mặt cho nhau. Tại phiên tòa chị Y vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn anh V thì cũng đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị là có thật, được hai bên thừa nhận, việc mâu thuẫn diễn ra trong thời gian dài mà anh chị không tìm cách để khắc phục, nếu để anh chị tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, do đó ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp.

[2] Về con chung: Tại phiên tòa chị Y đồng ý để cả hai con cho anh V nuôi dưỡng, anh V cũng đồng ý nhận nuôi, sự việc trên phù hợp với mong muốn của các con sau khi được hỏi ý kiến, nên giao cả hai con cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với mức cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử thấy rằng: bản thân chị Y, anh V hiện là công nhân lao động phổ thông có thu nhập ổn định nhưng không cao, nếu một mình anh V dùng thu nhập của mình để nuôi con sẽ rất khó khăn cho anh trong việc nuôi dưỡng các con, sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất cho các con, nên buộc chị Y phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp, nhưng mức cấp dưỡng anh V yêu cầu là cao so với thu nhập thực tế của chị Y, nên chỉ chấp nhận ở mức 750.000 đồng/tháng đối với mỗi con là phù hợp.

[3] Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét; nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[4] chị Y phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điều 51, 56, 81,82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Y. Chị Nguyễn Thị Ngọc Y được ly hôn với anh Phan Quốc V.

Về con chung: anh V được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Quốc B, sinh ngày 10/9/2006 và Phan Chí B, sinh ngày 26/6/2011, chị Y cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa

mỗi tháng 750.000 đồng đến khi các con tròn 18 tuổi, thời hạn bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/11/2020).

Sau khi ly hôn, cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có căn cứ một hoặc cả hai bên chị Y, anh V được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét; nợ chung: Không có, nên không xem xét.

*Án phí hôn nhân sơ thẩm:* Chị Y chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002964 ngày 07/10/2020 là đủ. Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M(1b);
- UBND xã B (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Trần Thanh Phong**